

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST
Ngày: 31-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Tú Nhi;
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 510/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1977; nơi cư trú: C đường số C, Khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Minh C, sinh năm 1963; địa chỉ: số F đường số I, khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/10/2023), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Việt H, sinh năm 1975, thường trú: Số A (số cũ 3), đường T, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thy T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A (số C), đường T, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 19/10/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn ông Trần Minh C trình bày:

Bà Trần Thanh T là em gái của ông Trần Minh C, do ông C và ông Trần Văn Việt H là bạn bè lâu năm. Năm 2023 khi ông H gặp khó khăn trong việc kinh doanh thì ông C đã cho ông H vay tiền ngoài ra còn giới thiệu cho ông H vay tiền bà T. Vào ngày 22/02/2023 bà T đã cho ông Trần Văn Việt H mượn số tiền 130.000.000 đồng, giữa ông H và bà T có viết giấy mượn tiền đề ngày 22/02/2023, thời hạn mượn là 10 ngày kể từ ngày 22/02/2023. Bà T đã giao số tiền 130.000.000 đồng cho ông Trần Văn Việt H, sau đó ông H ký và ghi rõ họ tên vào giấy nợ và xác nhận đã nhận đủ tiền.

Theo thỏa thuận thì đến ngày 02/3/2023 ông Trần Văn Việt H có nghĩa vụ trả lại số tiền 130.000.000 đồng cho bà Trần Thanh T, tuy nhiên ông H đã không thực hiện đúng thỏa thuận. Đến khoảng tháng 4/2023 ông H và gia đình bỏ địa phương đi đâu không rõ, cũng không trả lại số tiền 130.000.000 đồng đã nhận cho bà T.

Nay bà Trần Thanh T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn Việt H trả lại cho bà số tiền đã nhận là 130.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 10%/năm theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/3/2023 đến khi Tòa án xét xử vụ án với số tiền lãi là: 11.844.444 đồng. Bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông H.

Riêng bà Huỳnh Thy T1 là vợ của ông Trần Văn Việt H thì thời điểm bà T cho ông H vay tiền thì không có mặt bà T1. Bà T cũng không biết được mục đích ông H vay tiền làm gì và bà T1 có biết hay không nên không yêu cầu bà Huỳnh Thy T1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền trên cho ông Trần Văn Việt H.

- Bị đơn ông Trần Văn Việt H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thy T1: Ông H và bà T1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 24/01/2024 và ngày 31/01/2024 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 24/01/2024 và ngày 31/01/2024 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Trần Văn Việt H có vay (mượn) của bà Trần Thanh T số tiền 130.000.000 đồng; Giấy mượn tiền được lập ngày 22/02/2023 có chữ ký của ông Trần Văn Việt H. Nội dung hợp đồng vay (mượn) tiền thể hiện hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 (mười) ngày kể từ ngày 22/02/2023 đến ngày 02/3/2023. Bà T đã giao đủ số tiền 130.000.000 đồng cho ông Trần Văn Việt H. Mặc dù đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng ông H đã không trả lại số tiền đã nhận cho nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ... nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Như vậy, ông Trần Văn Việt H vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn V H phải trả lại số tiền đã nhận là 130.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu thanh toán lãi do chậm trả: Mặc dù giấy mượn tiền ghi ngày 22/02/2023 nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, có thỏa thuận về thời gian bị đơn có nghĩa vụ phải trả lại tiền cho nguyên đơn. Hết thời hạn thỏa thuận mà bị đơn không trả lại tiền cho nguyên đơn nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

Tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định : “ 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”...

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi do chậm trả kể từ ngày lãi 02 tháng trong hạn từ ngày ngày 03/3/2023 đến khi Tòa án xét xử vụ án (31/01/2024) với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 với số tiền lãi là: 11.844.444 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với nghĩa vụ liên đới của bà Huỳnh Thy T1: Đại diện nguyên đơn xác định bà Huỳnh Thy T1 là vợ của ông Trần Văn Việt H. Tuy nhiên, đối với số nợ mà ông H vay của bà T thì nguyên đơn không xác định được bà T1 có biết về khoản vay nêu trên hay không nên nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T.

Theo quy định tại Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“Vợ, chồng có các nghĩa vụ riêng về tài sản sau đây:

...

3. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình”.

Yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.303.345 đồng, nguyên đơn bà Trần Thanh T tự nguyện chịu, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 238, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 và Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Trần Văn Việt H.

Buộc ông Trần Văn Việt H thanh toán cho bà Trần Thanh T số tiền 141.844.500 (một trăm bốn mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm) đồng. (Trong đó: 130.000.000 nợ gốc và 11.844.444 đồng tiền nợ lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Việt H phải chịu 7.092.225 (bảy triệu không trăm chín hai nghìn hai trăm hai lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An trả lại cho bà Trần Thanh T số tiền 3.331.250 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số:0007038 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.356.363 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng chi phí nguyên đơn đã nộp tại Tòa án.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

